TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỐT NỐT** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66 /2020/HSST
Ngày: 17 - 7 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thuý Kiên**
2. Bà **Thái Ánh Trinh**

Thư ký phiên toà: Ông **Huỳnh Trung Hiếu** –Thư ký Toà án Nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà: Bà **Lê Thị Kim Xa** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2020/HSST ngày 10 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐXXST-HS ngày 03/7/2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN NGỌC L -** sinh năm: 1988. Tên gọi khác: Lin Đa.

Cư trú: Số 55/1B – Khóm Đ, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Không. Họ tên cha: Nguyễn Ngọc S – SN 1964 (sống); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Cẩm H – SN 1969 (sống). Vợ: La Thị B – SN 1993; Con: Nguyễn Ngọc Thiện N – SN 2019.

Tiền án: chưa.

Tiền sự: Ngày 20/4/2017, bị Toà án nhân dân thành phố Long Xuyên – tỉnh An Giang ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 20 tháng, chấp hành xong ngày 26/4/2018.

Bị tạm giam từ ngày 16/4/2020. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

* *Người bị hại:* Anh **Phạm Hoàng L** – SN 14/02/2002. Có mặt

Cư trú: Ấp T A, xã T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị **La Thị B** – Sinh năm 1993. Có mặt

Cư trú: Số 55/1B – Khóm Đ, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

2. Chị **Nguyễn Thị Kim N** – Sinh năm 1975. Vắng mặt

Cư trú: Số 12/5 – Khóm T, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi , tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 19/3/2019, bị cáo Nguyễn Ngọc L đang điều khiển xe mô tô biển số 67B1 -194.24 chạy trên tuyến Quốc lộ 80 hướng từ huyện Vĩnh Thạnh về Ngã ba Lộ tẻ Thốt Nốt. Khi đến đoạn đường ngang Trường tiểu học Thới Thuận 1 thuộc khu vực Thới Hoà 2 – P. Thới Thuận – quận Thốt Nốt – Tp. Cần Thơ, L phát hiện thấy anh Phạm Hoàng L1 đang ngồi trên xe mô tô đậu trước tiệm tạp hoá cặp lộ, trên cổ anh L1 có đeo sợi dây chuyền vàng nên L nảy sinh ý định cướp giật dây chuyền. L điều khiển xe chạy lại gần vị trí anh L1, bất ngờ dùng tay trái giật lấy sợi dây chuyền trên cổ anh L1 rồi tăng ga xe chạy ra Lộ tẻ lên hướng thành phố Long Xuyên, anh L1 đuổi theo không kịp, nên đến Công an phường Thới Thuận trình báo sự việc.

Sau khi cướp giật được sợi dây chuyền, L đem bán cho chị Nguyễn Thị Kim N tại tiệm vàng Nguyễn Hưng ở thành phố Long Xuyên với giá 3.000.000 đồng, rồi tiêu xài hết. Sau đó, L trốn khỏi địa phương. Đến ngày 31/3/2020, L trở về nhà thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Thốt Nốt mời về làm việc. L thừa nhận toàn bộ hành vi cướp giật tài sản.

Tại Kết luận định giá tài sản số 25/BKL-HĐĐGTS ngày 19/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt: 01 sợi dây chuyền vàng loại 18K, trọng lượng 03 chỉ 03 phân, trị giá 8.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 66/CT-VKS ngày 09/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt - Tp. Cần Thơ truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc L về tội *"Cướp giật tài sản"* theo điểm d khoản 2 Điều 171của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng: điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015; sửa đổi bổ sung năm 2017;

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

+ Hình phạt bổ sung: Miễn cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự, vật chứng:

Công nhận người bị hại Phạm Hoàng L1 và bị cáo thoả thuận là bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại giá trị sợi dây chuyền là 10.000.000 đồng. Chị La Thị B đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại 2.000.000 đồng, bị cáo có trách nhiệm bồi thường thêm cho bị hại 8.000.000 đồng.

- Đối với chiếc xe mô tô biển số 67B1- 194.24, bị cáo L dùng làm phương tiện đi cướp giật tài sản, bị cáo L đã bán xe không thu hồi lại được, nên không đề cập xử lý vật chứng.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Thốt Nốt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra.

Hành vi bị cáo điều khiển xe mô tô và dùng tay giật lấy sợi dây chuyền đeo trên cổ người bị hại đang ngồi trên xe mô tô rồi tăng ga bỏ chạy, nhằm chiếm đoạt trái phép tài sản của bị hại. Tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 8.000.000 đồng. Hành vi bị cáo thực hiện đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Không những vậy, cách thức mà bị cáo giật sợi dây chuyền trong lúc cả bị cáo và bị hại đều đang ngồi trên xe mô tô nên dễ dẫn đến bị té ngã gây ra tai nạn. Đây được xem là dùng thủ đoạn nguy hiểm. Do đó việc truy tố, xét xử bị cáo L về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm đối với xã hội. Bản thân bị cáo là người có khả năng lao động tạo ra thu nhập để phục vụ cho cuộc sống, nhưng do tập theo lối sống tiêu cực, sử dụng ma tuý, dẫn đến cảnh thiếu thốn tiền bạc, rồi phát sinh lòng tham mà cướp giật tài sản của người khác. Do đó, bị cáo phải gánh chịu hậu quả pháp lý do hành vi mình gây ra. Ngoài lần phạm tội này, bị cáo còn khai đã thực hiện nhiều hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Thiết nghĩ, cần phải có hình phạt nghiêm minh, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian tương xứng để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra hối cải, gia đình bị cáo đã bồi thường được một phần thiệt hại cho người bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo đã giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện thêm một số đối tượng phạm tội. Bị cáo có con nhỏ tuổi cần sự nuôi dưỡng, chăm sóc của cha mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết này để giảm một phần hình phạt cho bị cáo, chứ lẽ ra hình phạt còn cao hơn.

[3] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự, vật chứng:

Người bị hại và bị cáo thoả thuận là bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại giá trị sợi dây chuyền là 10.000.000 đồng. Chị La Thị B đã tự nguyện thay bị cáo bồi thường cho bị hại 2.000.000 đồng, bị cáo còn có trách nhiệm bồi thường

thêm cho bị hại 8.000.000 đồng. Xét thấy sự thoả thuận không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên công nhận.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 67B1- 194.24, bị cáo L dùng làm phương tiện đi cướp giật tài sản, L đã bán xe không thu hồi lại được, nên không đề cập xử lý.

[5] Đối với chị Nguyễn Thị Kim N đã mua sợi dây chuyền do bị cáo cướp giật được, nhưng chị N không biết tài sản do phạm tội mà có, nên cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với chị N là phù hợp.

Đối với hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động của chị Nguyễn Thị Bích T mà Nguyễn Ngọc L thực hiện ngày 21/3/2019, do không thu hồi được tài sản và cũng không tìm được người bị hại, nên chưa có cơ sở để xử lý. Hội đồng xét xử thấy cần kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc L phạm tội *"Cướp giật tài sản"*.

1. ***Về trách nhiệm hình sự:*** Áp dụng: điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015; sửa đổi bổ sung năm 2017;

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L 04 *(bốn)* năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/4/2020.

+ Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

2. ***Về trách nhiệm dân sự***: Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Công nhận người bị hại Phạm Hoàng L và bị cáo thoả thuận là bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại giá trị sợi dây chuyền là 10.000.000 đồng. Chị La Thị B đã thay bị cáo bồi thường trước cho bị hại 2.000.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường thêm cho bị hại 8.000.000 đồng *(tám triệu đồng)*.

3. ***Kiến nghị*** Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Thốt Nốt tiếp tục điều tra làm rõ việc bị cáo Nguyễn Ngọc L khai đã trộm cắp 01 điện thoại di động của chị Nguyễn Thị Bích T tại nhà nghĩ Anh Thư thuộc khu vực Thới Hoà 1 – phường Thới Thuận – quận Thốt Nốt – Tp. Cần Thơ vào ngày 21/3/2019, để xử lý theo quy định pháp luật.

4. ***Về án phí:*** Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31 tháng 12 năm 2016;

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng *(hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm, và 400.000 đồng *(bốn trăm ngàn đồng)* án phí phần trách nhiệm dân sự.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điêu 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND TP.Cần Thơ;
- VKSND Q.Thốt Nốt;
- Công an Q.Thốt Nốt;
- Chi cục THADS Q.Thốt Nốt;
- Bị cáo…;
- Lưu HS .

Nguyễn Văn Kiệt